

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06/9/2024

V/v: Tranh chấp về HNGĐ giữa
chị P và anh H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thành, ông Nguyễn Đình Quế.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Hương, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T: Bà Nguyễn Thị Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01/8/2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).

Trú tại: Thôn C, xã N, thị xã T, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Trú tại: Thôn C, xã N, thị xã T, Tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị kết hôn với anh H ngày 15/11/2011, có được tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Cưới xong chị về nhà anh H làm ăn ngày, vợ chồng ở chung với gia đình chồng.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có chơi với một nhóm bạn gồm 5, 6 người là bạn đi câu của anh H, trong đó có vợ chồng anh Nguyễn Đình H1, chị Nguyễn Thị T1, đều sinh năm 1983 ở Đ, X, T. Chị T1 có nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với anh H1, nhưng chị không có chuyện đó. Chị T1 đã đến cơ quan chị làm việc ở Trường mầm non N để gây rối, chửi bới, lăng mạ, xúc phạm chị ở trường. Chị T1 dùng nick ảo nói xấu chị trên facebook. Bố chồng còn rêu rao nói xấu chị với hàng xóm, họ hàng và bạn bè. Anh H không tin chị nên thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, kiểm soát chị như kiểm

tra điện thoại, gắn định vị ở xe máy của chị. Vì không chịu đựng được nên chị đã về nhà để ở từ tháng 6/2024, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh H được vì không còn tình cảm, chị đề nghị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thu P1, sinh ngày 18/01/2013 và Nguyễn Thế Q, sinh ngày 04/9/2015. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng cháu P1, anh H đang nuôi cháu Q. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P1, chị đồng ý để cho anh H nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ: Chị trình bày không có.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Thế H trình bày: Anh xác nhận một phần lời trình bày của chị P về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị P có biểu hiện quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Khi biết chuyện, anh và gia đình đã khuyên bảo chị P nhưng chị P không nghe. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 6/2024, Chị P đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị P xin ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị P trình bày. Hiện nay chị P đang nuôi cháu P1, anh đang nuôi cháu Q. Khi ly hôn anh xin được nuôi cháu Q, anh đồng ý để chị Phương nuôi cháu P1, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ: Anh trình bày không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị P được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Đề nghị giao cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thu P1, sinh ngày 18/01/2013; giao cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thế Q, sinh ngày 04/9/2015, việc cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị P xin ly hôn anh Nguyễn Thế H, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình và Tòa án nhân dân thị xã T đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, điều 28; điều 35; điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị P kết hôn với anh Nguyễn Thế H ngày 15/11/2011, đã tuân đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phía chị P trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H nghe lời người khác nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình nên thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Gia đình nhà chồng biết chuyện cũng không khuyên bảo anh H mà cùng với anh H bôi nhọ danh dự của chị, bêu xấu chị với hàng xóm, họ hàng hai bên nội ngoại và anh em bạn bè. Phía anh H trình bày chị P có biểu hiện quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh và gia đình đã khuyên bảo nhưng chị P không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh H đồng ý. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thu P1, sinh ngày 18/01/2013 và Nguyễn Thế Q, sinh ngày 04/9/2015. Chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin nuôi cháu P1, để cho anh H nuôi cháu Q, anh H cũng đồng ý. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật, cần chấp nhận. Giao cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thu P1, giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q. Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

Chị P, anh H đề nghị xét xử vắng mặt, xét yêu cầu của các đương sự là phù hợp pháp luật, cần chấp nhận xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ điều 235, 264, 266, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Thế H.

2. Về con chung: Giao cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thu P1, sinh ngày 18/01/2013; giao cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thế Q, sinh ngày 04/9/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001408, ngày 01/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T). Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.
- VKSND tx. T.
- THADS tx. T.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Ngọc Anh

